

SỞ GIẢI BỒ TÁT GIỚI BẢN TRONG KINH PHẠM VĨNG

QUYỂN 3

I. GIỚI BẤT DÂM

Giải thích giới này thành mười môn đồng như trước:

Chế ý: Lược có mười nghĩa:

Vì tội này nặng về nghiệp đạo nên xếp vào mười nghiệp ác. Người phạm tội dâm không thể vào đạo, nên Phật mới đặt ra giới này.

Trói buộc sâu nặng. Ai là gông cùm, xiềng xích trong lao ngục sinh tử. Luận Trí Độ chép:” Dâm dục tuy không nã hại chúng sinh, nhưng có công năng trói buộc, nên tội ác rất lớn.

Cội gốc của sinh tử. Do dâm đăng nên sinh tử luân hồi, trôi giạt trong sông ái, chìm đắm trong biển dục vô bờ.

Phá hoại công đức. Luật Tăng Kỳ chép:

Việc đáng sợ nhất

Không gì hơn nữ

Bại chánh hoại, đức

Đều do người nữ.

Tâm ô nhiễm phạm tội Việt ty- ni, giới Tiểu thừa còn như thế, huống gì giới Bồ-tát Đại thừa. Kinh Địa Trì chép:” Bồ-tát sợ sinh tử hơn Thanh văn trăm ngàn vạn lần.

Phá hoại thế gian. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép:” ở thế gian, người nam đau khổ đều vì phụ nữ, bất luận thiếu niên hay trung niên, không ai chẳng do nguyên nhân này. Người nữ phá hoại thế gian làm cho pháp thủy đều diệt hết. Trói buộc lớn nhất trên cõi trời không gì hơn nữ sắc. Người nữ ràng buộc các vị trời dẫn đến ba đường ác.

Loạn tâm thanh tịnh. Nghĩa là lửa dục đốt tâm khiến cho mất thiền, mất niệm. Sóng biển dục phá nước định.

Vào lưới ma. Liếm mật dính trên dao bén, tham sắc hoa độc. Tổn hại chúng sinh là ý nguyện của ma. Kinh chép: Năm dục là cảnh giới của ma.

Mất thần thông: Vị tiên thấy người nữ khởi tâm mê nên mất thần thông, bị đọa lạc. Như vị tiên Độc Giác có thần thông bay lên núi cao. Sau bị dâm nữ cưỡi cổ đem xuống nhân gian.

Chương Niết bàn: Trong luật Tỳ-kheo, dâm dục là giới đầu tiên. Người phạm giới đời này không được Niết-bàn.

Chương Bồ-đề. Kinh chép: Năm dục là pháp chướng đạo, làm chướng ngại việc sinh lên cõi trời. Vì nhiều tội lỗi như thế, nên Phật mới chế giới này.

1. Thích danh:

Dâm tức là dâm dục, nghĩa là nam nữ có tâm ái nhiễm mê đắm lẫn nhau. Bên người nữ dâm tư tưởng tà giới là dâm vũ. “Trệ Thư Đa” là tên quyển sách viết về việc dâm. Hoàng Phủ Sĩ An đọc sách này ba năm, say mê đến nỗi không còn biết mùa Xuân, mùa Hạ, cưỡi ngựa không biết ngựa đực, ngựa cái. Nay tâm dính mắc sắc dục cũng gọi là dâm sắc, cũng gọi là dâm hoang. Nên Kinh Thư chép: “Bên trong hoang mê theo sắc dục, bên ngoài hoang mê theo cầm thú. Nội điển gọi dâm dục là hạnh Bất tịnh. Nghĩa là tâm ái nhiễm ô gọi là “bất tịnh”, làm việc phi pháp cảnh ô nhiễm giới phẩm thanh tịnh, gọi là “hành”, hành tức là nghiệp, cũng tức là phi phạm hạnh. “Giới”, Phật lập ra để ngừa lỗi nên gọi là giới, từ đó mà đặt tên. Trong kinh này nói người xuất gia phải chấm dứt dâm dục, nên kinh không phân biệt tà chánh, vì tất cả dâm dục đều phải chấm dứt.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát tại gia được có vợ con?

Đáp: Tại gia có hai loại: Người đã chứng đắc rồi, nhưng vì giáo hóa chúng sinh nên thị hiện có vợ con, đó là năng lực Phương tiện lực. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Khi Bồ-tát Thập Hạnh trì giới thanh tịnh, thì có vô lượng ma nữ đến nhiễu loạn, nhưng Bồ-tát không sinh một niệm dục, tâm vẫn thanh tịnh như Phật. Ngoài phương tiện vì giáo hóa chúng sinh, Bồ-tát thà xả bỏ thân mạng chứ không gây thêm tội ác cho người. Như vậy y theo đó đều là phương tiện. Thật sự không có dục tưởng.

Còn giới bản Du-già cho phép Bồ-tát tại gia dùng phương tiện từ dục để giáo hóa chúng sinh. Phương tiện này không khai cho Bồ-tát xuất gia, huống gì tâm người chưa được thanh tịnh đồng với Phật.

2. Thứ lớp:

Kinh Thập Thiện Giới chép: “Dâm chỉ ngăn tà dâm, khác với Sát và Đạo, cho nên giới Dâm xếp vào hàng thứ ba.” Đây là thuận theo thứ lớp mà tổng đoạn là khác.

3. Giải thích:

Thân nghiệp trái phạm sát sinh là phiền não cùng cực, nên đặt ở đầu. Trộm cắp trái phạm kế, Dâm trái phạm kém hơn, hoặc thuận theo tâm tham, nên xếp vào thứ ba.

Hỏi: Như vậy trong giới Thanh văn vì sao giới này đứng đầu?

Đáp: Dâm dục là gốc sinh tử, vì muốn mau đến Niết-bàn nên Phật đặt ra giới này. Còn giới Bồ-tát thì khác nên giới này được xếp vào thứ ba.

Giới Thanh văn đời phạm mới chế, mà giới bất dâm lại phạm đầu tiên nên Phật đặt ra giới Dâm trước hết. Còn giới Bồ-tát đặt ra không đời phạm. Vì thuận theo mười nghiệp đạo nên giới này khác với giới Thanh văn.

4. Dủ duyên thành phạm: Trên đây đã giải thích duyên chung, còn duyên riêng y theo luận có cũng có bảy duyên:

Loại hữu tình: Vì không phạm tội nặng, nên thầy chết chưa hoại được xếp vào loại hữu tình.

Hỏi: Chỗ này vì sao khác với hai giới trước, có phải phân biệt khác với tự thân lập duyên khác hay không?

Đáp: Vì tự trộm không thành trộm, tự dâm thì thành dâm. Như trong luật nói tự dâm đường sống thì thành tội nặng v.v... Cho nên khác nhau.

Chánh cảnh: Nghĩa là nữ có ba đường, nam có hai đường, chỗ khác không phạm tội nặng.

Khởi tưởng việc này ra việc kia, như chúng sinh tưởng là cây, đạo tưởng là phi đạo, đều không phạm tội

Có tâm dâm, vì ngủ mê nên không phạm tội nặng.

Có ba độ, Bồ-tát tại gia có chánh tuệ chế ngự tâm, phương tiện giáo hóa chúng sinh, Phật khai cho không phạm. Còn về xuất gia chẳng khai thì không có duyên này.

Tạo thứ: Vì không động thân nghi thì không thành tội nặng.

Hợp cùng cảnh: Nghĩa là vào chùng bằng đầu sợi lông. Nếu kẻ thù bắt buộc khai cho hợp với cảnh, nhưng không được thọ vui.

5. Thiếu duyên: nghĩa là thiếu chung nên biết.

Trong riêng nếu thiếu duyên 1 thì có 2 tội. Thiếu duyên 2 có 6 tội, đồng như trước, nghĩa là khác đường mà tưởng, hoặc biết chắc chắn hay không đều phạm tội nặng. Nếu phi đạo đồng sai, rốt ráo không quyết chắc, y cứ theo tâm thì phạm tội trọng phương tiện. Về sau nếu biết phi đạo thì phạm tội khinh phương tiện. Còn hai đường hiệp một sinh nghi, quyết hay không đều phạm tội trung phương tiện. Nếu quyết chắn thì

phạm tội khinh phương tiện.

Thiếu duyên thứ ba, cũng tưởng nghi có hai khác nhau. Tưởng có bốn câu.

Vốn mê: nghĩa là vô tâm phạm tội nặng, ban đầu từ phi đạo, lầm xâm phạm chánh đạo. Sau đó không biết là lầm nên kết tội phương tiện.

Sau đó biết vào đường kết phương tiện nặng. Khác với Tiểu thừa, vì trong duyên thứ năm có khởi tưởng đó. Còn nghiệp Đại thừa, suy nghĩ là nghiệp tại ý. Phần nhiều y cứ vào tâm mà kết nên khác nhau.

Tâm căn bản đi đến chỗ trọng. Vào đúng chính đường bỗng chuyển hưởng tưởng lầm là chẳng phải đường. Phạm rồi biết đạo rõ ràng ngay bản tâm, dù một chút tâm lý cũng phạm tội nặng, vì tâm có nhiều cảnh. Tiểu thừa phải nói theo tâm này.

Hòn toàn không biết tâm giữa và sau, mắc tội phương tiện. Hai câu giữa có hai nghi:

Nghi đạo là phi đạo, sau tâm biết đạo cũng kết tội nặng.

Sau hòn toàn không biết nên mắc tội phương tiện. Ngoài ra đạo khác mà tưởng và nghi phạm tội nặng, vì đều là cảnh phạm.

Thiếu duyên thứ bốn có ba câu:

1. Kẻ thù đặt căn của Bồ-tát vào âm của người nữ. Do cắn tay v.v.... cấm tâm không thọ vui thì không phạm. Trái lại thì phạm.

2. Nếu Bồ-tát ngủ quên bị người khác dâm, hòn toàn không biết cũng không phạm.

3. Biết rồi không thọ vui không phạm, thọ vui thì thành phạm.

- Thiếu duyên thứ năm có hai câu:

Y cứ về vị, Bồ-tát tại gia thiếu duyên này không phạm, xuất gia thành phạm

Y cứ vào ba thời, hai tâm nói về tuệ:

Tâm khai hoặc nên phạm phương tiện nặng.

Hoặc một tuệ lẽ ra phải thành tội nặng.

Thiếu duyên thứ sáu có hai câu:

Dù có động thân nghĩ đến cảnh chưa đến liền dừng lại thì phạm tội phương tiện.

Đến cảnh sắp và vào chừng đầu một sợi lông liền dừng lại phạm tội phương tiện nặng.

6. Nặng nhẹ: Sơ lược có sáu vị nói lên điều đó:

- Y cứ về cảnh

- Y cứ về tâm

- Hợp biện giải thích
- Y cứ về số
- Y cứ về tạo thú
- Y cứ về tổn

Chủng loại.

Cảnh phạm có mười:

- Thà chết chưa hoại
- Giao thông với quỷ
- Súc sinh
- Người
- Các người thân
- Em gái, con gái.
- Hai chúng tại gia giữ năm giới, tám giới.
- Hai chúng xuất gia
- Cha mẹ
- Bạc Thánh.

Nếu phạm La hán ni thì trước phạm tội nhẹ, sau phạm tội nặng, nên biết.

Y cứ vào tâm cũng có mười thứ.

Có tâm tham tăng thượng, nghĩa là tâm tham mạnh mẽ đối với bậc trước cha mẹ, không có tâm hổ thẹn.

Trung phẩm tham, tuy có tâm hổ thẹn mà mê luyến sâu nặng.

Hạ phẩm tham, nghĩa là có hổ thẹn mà không mê luyến sâu nặng.

Y cứ vào về tâm sân, nghĩa là sân tức người khác nên làm việc dâm.

Y cứ vào si, như nói Dục không làm chướng đạo, nên cố ý làm việc đó.

Đủ tham sân, nghĩa là tâm tham phương tiện rất ráo.

Đủ tham si, nghĩa là lấy tâm si làm phương tiện rất ráo.

Đủ sân si, nghĩa là lấy tâm tham làm phương tiện rất ráo.

Năm vị trên đều trước phạm tội nặng, sau phạm tội khinh, nên biết.

Vô ký phương tiện si tham rất ráo.

Thiện tâm phương tiện từ bi tham rất ráo.

Cũng trước phạm tội nặng, sau phạm tội khinh, nên biết.

Hợp giải thích: có mười loại.

Tâm nặng đối với cảnh nặng ở trước

Tâm vừa chùng đối với cảnh nặng ở trước

Tâm nhẹ đối với cảnh nặng ở trước.

Tâm nặng đối với cảnh nặng vừa chùng.

Tâm vừa chùng đối với cảnh vừa chùng.

Tâm nhẹ đối với cảnh vừa chùng.

Tâm nặng cảnh nhẹ.

Tâm vừa chùng cảnh nhẹ.

Tâm nhẹ cảnh nhẹ.

Tâm thượng cảnh trung hạ

Mười loại này đều có nặng nhẹ, y cứ theo việc nên biết.

Đứng về số có năm loại:

Tạm phạm rồi sinh sợ mãi mãi chấm dứt

Phạm vài lần về sau tự chấm dứt

Thường phạm vài lần sám hối nối nhau không dứt.

Phạm rồi tiếp tục trọn đời không sửa đổi.

Thấy phạm có ích, không có tâm trì giới, không có ý sám hối, chấp phạm là đúng, cuối cùng cho đến trọn đời, đều trước nhẹ sau nặng nên biết.

Về tạo thú có ba:

- Rất riêng tư

- Ít tránh người.

- Công nhiên hành.

Đều trước phạm tội trước nặng sau nhẹ.

Về tổn có năm thứ:

- Như lửa đục thiêu đốt đến thờ trời.

- Phá hoại phạm hạnh của mình và người

- Việc ác lộ ra bị nhiều người chê bai

- Tiếng xấu đồn khắp, phá hoại tín tâm của người.

- Đều phạm tội trước nặng sau nhẹ, nên biết.

Đứng về các giới như xúc chạm, Lậu thất, nói lời thô, mai mối đều không nên phạm.

Kinh Niết-bàn quyển 31 chép: "Nếu có Bồ-tát nào tự nói mình giữ giới thanh tịnh. Tuy không hòa hợp với người nữ, nhưng khi thấy người nữ sinh tâm diễu cợt, buông lời đùa bỡn. Như vậy là Bồ-tát đã thành tựu pháp đục, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới tạp uế, không được gọi là tịnh giới cụ túc.

Đặc quả, Luận Thập Địa và Luận Đối Pháp cũng có ba thứ:

1. Quả dị thực, đọa ba ác thú chịu khổ dữ dội.

2. quả đặng lưu, nghĩa là ở trong loài người bị hai vợ tranh nhau, vợ không trinh tiết.

3. Quả tăng thượng, nghĩa là trong loài người bị nhiều kẻ thù bên ngoài tranh đua. Theo Kinh Ưu-Bà-tắc Giới thứ 4 chép: "Nếu vui là tà dâm, người này không thể giữ thân mình và người. Tất cả chúng sinh thấy đều sinh nghi. Nói dối đã nói trên, bất cứ lúc nào cũng thường chịu khổ. Tâm thường tán loạn không thể tu pháp lành. Tài vật tiêu tán hết, có nhiều vợ con mà lòng không tham luyến. Tuổi thọ ngắn, đó là quả ác hiện tại của tà dâm. Khi xả thân vào địa ngục, có thân hình xấu xa, đói khát, kéo dài mạng sống, chịu rất nhiều khổ não. Đây là quả báo nghiệp ác đời sau. Nếu được sinh lên làm người thì thân hình xấu xa, mọi người không muốn nhìn. Không thể giữ được vợ, con trai, con gái. Vì có nhân duyên ác nên đối với ngoại vật không được tự tại. Kinh Đại Bồ-tát Tạng quyển 10 chép: "Này Xá-lợi Tử, người gần gũi dâm dục thì không việc ác nào chẳng dám làm. Khi quả báo chín muồi thì người đó sẽ chịu nhiều đau khổ. Cho nên ta nói chúng sinh trong thế giới Tam thiên óan ghét không gì bằng dâm dục, vợ con, nữ sắc. Lại nói: "Nếu có chúng sinh đắm trước các sắc dục, mê thiếp, vợ con, thì giống như liếm chút mật ngọt trên lưỡi dao bén, nuốt hột sắt nóng, ngồi giường sắt, uống nước đồng sôi. Lại nói: nên biết phụ nữ làm mất hết mắt tuệ của bậc Thánh, cho đến nói rộng hơn, như kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép: "Sắc đẹp, hoa độc, như xúc chạm lửa mạnh, Dục lạc cũng giống như thế, sau chịu nhiều khổ não. Như lửa càng nhiều củ thì lửa đó không thể dập tắt được. Mình và người đều bị thiêu đốt, dục lạc cũng giống như thế. Con thiêu thân cứ lao đầu vào lửa mà không hề biết cái hại của lửa, dục lạc cũng giống như thế, người ngu si không hiểu biết. Lại nói lưỡi dục người nữ ràng buộc rất chặt chẽ, làm cho chúng sinh trôi lăn trong địa ngục. Thân ràng buộc còn mở được, tâm ràng buộc không thể thoát khỏi, tâm bị sự ham muốn ràng buộc thường chịu nhiều khổ não. Kinh Chân Ngụy Sát na-Môn chép: "Tỳ-kheo có hai việc đọa vào địa ngục Hoạch thang

Tâm thường nghĩ tâm ái dục.

Thích ái kết bạn bè.

Lời của bậc Thánh như thế, ý niệm còn đọa địa ngục Hoạch thang, huống chi thân ngữ tội lỗi càng nặng hơn. Luận Trí Độ 13 chép:

"Lại có mười tội như vậy nên biết. Còn luật nói rằng: "Thà để nam cắn vào miệng rắn độc chứ không nên gần người nữ. Vì rắn độc chỉ hại một đời người, còn người nữ thì hại nhiều đời. Rắn hại không vào

địa ngục, người nữ hại sẽ vào địa ngục. Rắn độc chỉ hại nhục thân, còn người nữ hại cả pháp thân. Xin những người hiểu biết tự răn dè.

Thông bát. Trước nói về Thông: Bồ-tát tại gia vì giáo hóa chúng sinh nên khai cho không phạm. Như Du-già Giới Bản chép: “Còn Bồ-tát tại gia thấy có mẫu ấp hiện không lệ thuộc. Tập khí cách thức dâm dục nối tiếp tâm Bồ-tát cầu phi phạm hạnh. Bồ-tát thấy rồi nghĩ rằng, đừng để tâm sân hận nhiều mà mất phước. Nếu muốn được tự tại, phương tiện an xử khiến họ phải gieo trồng gốc lành, xả nghiệp bất thiện, trụ trong lòng thương xót, thực hành phi phạm hạnh. Còn Kinh Thanh Tịnh Tỳ-Nặng, hỏi: Có trường hợp nào hành dâm mà không phạm giới lại được thành tựu Thi Ba-la-Mật không?

Văn-thù-sư-lợi đáp: Có, trường hợp Bồ-tát vì muốn giáo hóa chúng sinh không tự quán giới.

”Bát” như Kinh Niết-bàn quyển 31 chép:” Lại có Bồ-tát tự nói tịnh giới, tuy không giao hợp với người nữ, nhưng đùa giỡn nói cười, chỉ nghe tiếng chuỗi anh lạc, vòng xuyên của người nữ cách vách tường liền sinh tâm ái nhiễm, tức thành dâm dục phá giới. Như thế Bồ-tát thành tựu pháp dục, phá hủy tịnh giới. Ô nhục phạm hạnh, khiến giới tạp uế, không được gọi là tịnh giới cụ túc. Nay người Thiện nam, nếu có Bồ-tát trì giới thanh tịnh, mà không vì giới, không vì Ba-la-mật, không vì Bồ-đề, không vì Niết-bàn, không vì Thanh văn Bích-chi-Phật. Chỉ vì Tối thượng Đệ nhất nghĩa mà giữ gìn tịnh giới. Nay người Thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát tịnh giới đầy đủ. Tướng đã giải thích nên biết.

- **Đôi tri hành giả:** Đứng về ba nhóm phân biệt, trước hết giới Nhiếp Luật Nghi có hai:

Y cứ về cảnh, nghĩa này như cứt đá bất tịnh v.v.. Trong quán Bất tịnh có nói đầy đủ. Luận Trí Độ có nói năm thứ bất tịnh cụ duyên.

Y cứ về tâm, nghĩa dục niệm này đều từ tà tư duy sinh khởi. Nếu dừng thì tư dục này bất sinh, nên như thuyết tụng rằng:

Dục là gốc của ông,

Chỉ từ tư tưởng sinh

Nay tà mạng chẳng nghĩ ông Ngã kim bất tư nữ

Ông lại không được sinh.

3. Về giới Nhiêu ích hữu tình, Bồ-tát lẽ ra phải dùng vô lượng pháp lành thế gian và xuất thế gian để lợi ích chúng sinh. Chúng sinh khởi phiền não như thế, đáng lẽ phải cứu giúp họ. Vì sao lại tự đem sự ô uế đến cho họ. Cho nên kinh nói:” Thà xả bỏ thân mạng chứ không nên đem tội ác đến cho người. Nếu gây thêm tội ác cho người thì không

có việc ấy. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép:” Cho đến tranh phụ nữ còn không muốn nhìn. Phá dục để được trí tuệ sáng suốt bền chắc, nên gọi là được giải thoát.

- **Giải thích văn:** Có ba nghĩa đồng như trước.

Nêu lỗi chế đoạn giữa có hai:

- Nêu lỗi chế chung.

- Hiện bày tướng lỗi.

Trong câu đầu (a) là nêu lỗi chế chung. Câu kế (b) nghĩa là dâm uế nhiễm dục không hợp với phạm hạnh, nên nói không được dâm dục với tất cả người nữ, nhưng vì cố phân biệt với sai lầm nên nói không được. Y cứ theo văn này và tập luận v.v.... nên biết có cảnh tướng.

Chỉ bày trong tướng lỗi. Trước hết giải thích để rõ tự, tha trước làm vị trí có bốn trường hợp: Nhân, duyên, pháp, nghiệp cũng giống như bốn giải thích ở trước.

Đứng về năng thích, “Nhân” là bên trong khởi nhiễm tâm tà tư duy, “Duyên” là bên ngoài phần sát trang điểm khiến nhiễm. “Pháp” là tư thái, lại nói lời êm ái, lại còn lập các cách thức việc dâm. “Nghiệp” là lấy dâm làm nghiệp nhà.

Y cứ vào giải thích: “Nhân” là chỗ chính, “Duyên” là xoa chà, “Pháp” là cách thi đối, “Nghiệp” là chỉ bảo người khác hành động thành nghiệp.

Y cứ vào thông mà giải thích: “Nhân” là trong khởi tâm tham. “Duyên” là ngoài cảnh hiện tiền, “Pháp” tạo cội phương tiện, “Nghiệp” chánh phạm kết nghiệp.

Y cứ vào tự, mà tha giải thích: “Nhân” là tự làm, “Duyên” là giúp người khác thành tự, “Pháp” là dạy người cách thức. “Nghiệp” là mình và người thành nghiệp.

Các giải thích về mình và người đã xong.

Kế là giải thích tất cả người nữ nói trên, nghĩa là từ người cho đến súc sinh, nên nói là cho đến súc sinh. Trong Thông có nói mười loại:

1. Súc sinh
2. Trời
3. Quỷ
4. Thần
5. Người
6. Sáu thân
7. Chị em
8. Con gái

9. Mẹ

10. Phi đạo, nghĩa là hạ bộ và miệng đều phạm.

2. Từ câu “Mà Bồ-tát v.v....” trở xuống là chế trong tu hành điều lành có hai: Trước khởi tâm, sau thành lợi ích. Trước kính bậc trên khởi tâm hiếu thuận, thương xót người dưới mà khởi tâm từ bi. Tâm này được tra chuốt bằng văn ghi chép sau đây, ở đây có đầy đủ.

Thành ích là cứu giúp cho họ hết khổ và đưa họ vào Phật pháp. Tịnh pháp cùng với người là trao cho tịnh giới, giúp cho họ tu hành phạm hạnh. Đây là điều Bồ-tát phải được hành.

3. Từ câu mà trái lại, v.v.... trở xuống trái quy định thì kết phạm, trong đó có bốn tội nặng:

Không làm lợi ích trước là trái với chánh hạnh.

Hướng chi khởi pháp ác đối với người.

Hướng chi tham dục lấy lưng chẳng khác gì loài cầm thú.

Hướng chi đối với cha mẹ. Bốn thứ này tuy tội nặng nhẹ khác nhau nhưng đều trái với chánh hạnh, nên đồng kết tội Ba-la-di.

II. GIỚI NÓI DỐI :

Giải thích giới này thành mười môn đồng như trước.

Chế ý: có mười nghĩa:

Nghiệp đạo nặng, nghĩa là mười nghiệp bất thiện, đường ác nhân quả, mắc tội này không thể vào đạo.

Chẳng phải việc nên làm, nghĩa là dối gạt người tốt, chẳng phải việc của người thế gian làm, hướng chi người vào đạo, thì sự thành thật là tốt nhất.

Đóng cửa con đường lành. Luận Đại Trí Độ quyển 13 nói: “Người nói dối, tâm không hổ thẹn, đóng bít cửa Niết-bàn của cõi trời. Quán biết tội này, cho nên không làm.

Thật ngữ ích, Luận Đại Trí Độ chép: “Lại nữa, quán biết lợi ích của thật ngữ rất lớn. Lợi ích của thật ngữ do mình mà ra, rất dễ được, đó là sức mạnh của người xuất gia. Như vậy công đức của người xuất gia gồm có lợi ích này, tướng của người lành..

Dễ giải thoát. Luận Đại Trí Độ chép:” Lại nữa, tâm của người thật ngữ ngay thẳng dễ được giải thoát, giống như cây thẳng trong rừng rậm dễ lòi ra.

Pháp không nhập tâm. Luận Đại Trí Độ chép:” Phật tử La-vân, tuổi còn nhỏ chưa biết cẩn thận lời nói. Có người đến hỏi: Đức Thế tôn có ở đây không? thì ông nói dối là không có. Lúc không có Thế tôn thì

ông nói dối là có. Có người bạch Phật việc này, Phật bảo La-vân đem chậu nước đến cho Ngài rửa chân. Rửa xong, Phật bảo La-vân úp chậu lại. La-vân nghe lời Phật úp chậu lại. Phật bảo đổ nước vào, La-vân theo lời dạy đổ nước vào. Phật hỏi nước có vào không? La-vân thưa không vào. Phật bảo La-vân: “Người không biết hổ thẹn, nói dối che lấp tâm, đạo pháp không vào cũng giống như thế.”

Hoại pháp hạnh. “Luận Đại Trí Độ chép:” Tỳ-kheo Ha-đa tuy hành pháp thí nhưng vì nói dối nên chết đọa vào địa ngục.

Khí u linh: Kinh nói người nói dối thì các vị trời, quỷ thần đều xa lìa không ủng hộ.

Mở cửa tội lỗi. các tội Sát sinh, trộm cắp đều do nói dối trợ giúp mà thành.

Đây đủ tánh giới và già giới, cho nên thà xả bỏ thân mạng chứ không nên phạm. Bài Kệ trong Luận Bồ-đề Tư Lương chép:

*Tuy do nói thật mà chết
Lui mất người vua chuyển luân
Cho đến các thiên vương
Chỉ nên nói lời thật*

Giải thích: Vì phạm tánh giới là tội nặng, nên giới này không khai.

1. Giải thích tên gọi:

Chẳng phải xưng thật là dối, khiến cho người khác nghe hiểu là ngữ. Giới ngăn ngừa lỗi này. Đây là từ chỗ trị mà đặt tên. Luận Trí Độ 15 chép: “Nói dối là tâm không thanh tịnh.”. Muốn dối gạt người nên che giấu sự thật, nói ra lời lạ sinh khẩu nghiệp, đó gọi là nói dối.

2. Giải thích: Trong đây cũng thuộc về ba tội: nói độc ác, nói hai lưỡi, nói thêu dệt. Từ đâu đặt tên vì tương tội lỗi mà khởi. Luận Đại Trí Độ chép: Trong bốn tội về khẩu nghiệp thì nói dối là nặng nhất, nó nhiếp cả ba việc, trong các pháp nó chiếm nhiều nhất. Nếu thật ngữ thì bốn loại chánh ngữ đều nhiếp hết.

3. Thứ lớp: Trước hết là thân nghiệp, kế đến là ngữ nghiệp.

Hỏi: Vì sao chế thân có ba, ngữ có bốn đồng là già giới.

Đáp: Vì nó không có tương nhiếp, nên ở đây xếp chung lại.

Giải thích: Văn sau nói hủy và báng xếp vào ba loại khác.

4. Đủ duyên thành phạm. Duyên riêng cũng có bảy:

1. Đối với chúng sinh
2. Khởi tưởng kia
3. Khởi cuồng tâm

4. Che giấu thật sự
5. Đủ ba độc.
6. Nói rõ
7. Người nghe hiểu.

5. Thiếu duyên:

* Thiếu duyên một có ba nghĩa:

- Trung quốc và hiện đại khác nhau. nếu hiểu rõ đều phạm tội nặng. Nếu người nghe không hiểu thì phạm tội phương tiện nặng.
- Nếu phi tình khác nhau và không hiểu thì phạm hai tội phương tiện nặng và nhẹ.
- Nếu nghi thiếu cả hai duyên cũng có ba tội, nhẹ và nặng y cứ theo đó.

Thiếu duyên thứ hai cũng có ba tội:

- Khởi nghĩ trung quốc và biến địa khác khu vực.
- Hiểu rõ phạm tội nặng, không hiểu rõ phạm tội nhẹ.
- Bản mê chuyển tướng đồng như trên, nên y cứ theo đó.

Thiếu duyên thứ ba, nói chung không phạm vì cuồng tâm, hoặc phạm tội nhẹ, vì không xem xét, nên lầm với người khác.

Thiếu duyên thứ tư có hai nghĩa:

- Đối với cô không dối gạt nói có, đối với việc tuy không che giấu vì che giấu là tội nặng.
- Vốn mê tướng chuyển và nghi đều phạm phương tiện.

Thiếu duyên thứ năm, có hai: nghĩa là không phạm vì tâm lành, hoặc sinh phước vì lợi ích như Du-già nhập vào khai duyên.

Thiếu duyên thứ sáu, mắc tội phương tiện nặng. Vì tuy nói nhanh nhưng người khác hiểu ý. Lại như người câm chỉ cho người cuồng, khiến họ hiểu được đồng với lời nói đều phạm tội nặng.

Thiếu duyên thứ bảy, có ba: Biết người khác không hiểu phạm phương tiện nhẹ, cũng không biết phạm phương tiện(624) nặng. Khiến người khác nghi cũng tội phương tiện nặng.

6. Nặng, nhẹ: Tội này khó giữ dễ phạm, trong đó có hai: Trước chung sau riêng. Luận chung có năm:

1. Vọng ngữ nghiêm trọng.
2. Vọng ngữ bình thường
3. Khởi tưởng nói dối đều trước nặng sau nhẹ
4. Thiếu duyên không phạm
5. Y cứ vào lời nói.

Trong đó có ba:

Cuồng ân cảnh tôn người, v.v...

Đại chúng nhiều người.

Đối với người khác rất phiền não.

Đáng lẽ mắc tội phượng tiện nặng.

- Đứng về sự cũng có ba:

Đứng về pháp xuất thế

Đứng về tịnh pháp nói đắc thiền

Đứng về thế sự không thấy nói thấy.

Đều là trước nặng sau nhẹ.

- Đứng về chỗ đã làm có bốn:

Do nói dối được danh lợi của bậc Thánh, và thấy công đức thường hành không dứt.

Được danh lợi thế gian rộng lớn vô lượng.

Suất nhĩ người khác, đối với mình vô ích.

Quy về tránh khổ trước nặng sau nhẹ.

Đứng về tâm, nghĩa là tâm tánh, đơn, song, hợp nhất. Tội nặng nhẹ y theo trước. Tâm ác cũng có ba: Đơn ba, song hợp, hợp khinh trọng, y cứ theo đó.

Y cứ theo lời nói: Luật Thập tụng chép:” Có người nói nay ta không nhập thế định. Người đối diện hỏi: Ngày hôm qua thì sao? Đáp: Cũng không nhập, thì phạm Thâu-lan-giá. Đều nói tương gần. Hoặc có người nói:” Tôi là người học.” Người đối diện nhanh nhẹn hỏi:” Sao gọi là người học?”Liền đáp:” Tôi là người học rộng, lợi căn thiền tụng tuệ, phạm Thâu-lan-giá.Nếu nói Vô lậu học thì phạm tội nặng. Hoặc nói: Tôi là Vô học “cho đến đáp rằng:” Biếng nhác không học, phạm Thâu-lan-giá. Nói bậc Thánh Vô học, phạm tội nặng.

Giải thích: Theo tông này, y cứ theo nặng nhẹ, nên biết. Còn nói tiếp: Theo phẩm Điều Phục Tâm, Luận Thập Trụ quyển 8 chép:” Dùng năm thứ phân biệt nói đối nặng, nhẹ. Luận kia chép: “ Vì chúng sinh phân biệt, Sự phân biệt, Thời phân biệt, năm chúng phân biệt, Trụ xứ phân biệt thì có nặng nhẹ. Tuy nó đối nhẹ nhưng thói quen lâu ngày thành nặng, nặng thì mất đi tâm Bồ-đề.

Chúng sinh phân biệt là người tà kiến cắt đứt gốc lành và còn rất nhiều phiền não đó là trọng.

Sự phân biệt, như nói pháp hơn người và phá tăng.

Thời phân biệt, người xuất gia nói dối thì tội nặng.

Năm chúng phân biệt như Ba-la-di, Tăng-già-Bà-thi-sa thì phạm tội nặng.

Trụ xứ phân biệt: ở trong tăng nói dối, như nói chứng thì phạm tội nặng.

Giải thích: Văn đây cũng hiển bày rõ nên biết. Các giới khác cũng theo năm giới này nên biết.

7. Đắc quả: Già tội báo sẽ giải thích rõ sau đây. Tánh tội mắc ba thứ quả. Kinh Thập Địa chép: “Tội nói dối cũng khiến cho chúng sinh rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Hoặc sinh làm loài người có hai thứ quả báo:

Thường bị hủy báng.

Thường bị người dối gạt.

Luận Đối Pháp lại nói về Tăng thượng quả, nghĩa là hạt giống chẳng kết trái. Luận Trí Độ 13 chép: Như Phật dạy, nói dối có mười tội:

Hơi miệng hôi thối.

Thiện thần xa lánh, phi nhân được dịp gần gũi người đó.

Dù có nói thật người cũng không tin.

Người trí bàn luận thường không tham dự

Thường bị phỉ báng, tiếng xấu đồn vang khắp nơi.

Nội người bất kính, tuy có dạy bảo họ cũng không thừa nhận

Thường hay u sầu.

Gieo nghiệp nhân duyên phỉ báng.

Khi chết thường đọa vào địa ngục.

Nếu sinh làm người thường bị phỉ báng.

8. Thông cuộc Trước cuộc sau thông.

Cuộc tức là tự khởi niệm liên phạm. Kinh Văn-thù Vấn, chỉ khởi một niệm vọng tưởng liên phạm tội Ba-la-di.

Thông là vì người mà nói dối không phạm. Du-già Giới Bản chép: “Bồ-tát thường vì giải cứu mạng nạn cho hữu tình như: nạn giam cầm của nhà tù, nạn chặt chân, tay, móc mắt, nên nói dối. Bồ-tát tuy bị mạng nạn cũng không nói dối. Nhưng vì cứu thoát hữu tình nên nói dối. Tóm lại, Bồ-tát chỉ vì việc nghĩa lợi ích cho hữu tình, còn tự mình thì không có tâm nhiễm, chỉ vì lợi ích hữu tình mà nói lời lạ. Do đó Bồ-tát nói dối mà không phạm tội lại còn sinh thêm công đức.

9. Đối trị hạnh: Đáng lý trong đây là cả bốn lỗi. Nhưng nói dối là đầu tiên nên nêu hết mà thôi. Bồ-tát Nhị địa trong Kinh Thập Địa là cả bốn lỗi. Kinh này nói: Là nói dối thường nói thật ngữ, đế ngữ, thời ngữ, là Bồ-tát dù cho trong mộng cũng không khởi phú kiến, nhãn kiến, vô tâm dối gạt người, huống chi là nói dối. Lại là hai lười không tâm phá

hại, không có tâm khủng bố, không có tâm não loạn. Nghe người này không đến nói với người kia. Hoặc nghe người kia không đến nói với người này. Hoại ở đây nên kia không đến đây nói, kia hoại nên bất phá đồng ý. Minh phá bỏ không để thêm lớn không thích tâm chia lìa, không ưa tâm chia lìa, không thích nói lời chia lìa, không nói lời chia lìa, hoặc thật hoặc không thật. Lại không nói nhiều lời ác khẩu, nói xâm não, nói thô tháo, nói làm khổ người khác, dạy người khác tức giận, nói người trước mặt, lời bất đoan, lời xấu ác, lời không ai thích nghe, lời không vui, lời sân não, lời như lửa thiêu, lời của tâm nhiệt não, lời không ái, lời không vui, lời không lành tự hại thân mà còn hại người khác. Các lời nói như thế đều xa lìa, chỉ nói những lời hay họ vui đẹp mà thôi. Gọi là nhuận ích ngữ, nhuễn ngữ, diệu ngữ, hỷ văn ngữ, lạc văn ngữ, nhập tâm ngữ, thuận lý ngữ, đa nhân ái niệm ngữ, hòa duyệt ngữ, tâm biến ý ngữ, có thể sinh tự tâm, tha tâm hoan hỷ, kính tín. Thường nói các lời hay đẹp như thế thì sẽ lìa những lời thêu dệt, thường khéo tư ngữ, thời ngữ, thật ngữ, nghĩa ngữ, pháp ngữ, thuận đạo lý ngữ, Tỳ-ni ngữ, tùy thời trừ lượng ngữ, thiện tri tâm sở lạc ngữ. Vị Bồ tát này không nói lời thêu dệt cho đến nói lời không thêu dệt hướng gì cố ý nói thêu dệt.

Giải thích: Giải thích đầy đủ văn này như trong Luận Thập Địa quyển bốn nên biết. Còn câu: "Phú kiến, nhãn kiến", đều y cứ vào tâm vào cảnh nói có tám thứ phạm, không phạm. Câu: "Bốn thứ phạm là:

Thật có báo nói không

Thật không báo nói có.

Hai tâm cảnh này đều trái.

Thật có nghĩa không báo mà nói có

Thật không nghĩa có báo mà nói không.

Hai tâm này không trái với cảnh, đều đứng về thứ lớp thấy tâm nên nói "phú kiến". Trái với bốn thứ này thì phi phạm. Trong bốn thứ phi phạm, hai thứ trước vừa như tưởng vừa như sự, Hai thứ sau như tưởng mà không như sự, đều nên biết. Luận Kim Cương Bát-nhã Công Đức chép: Trong bốn ngữ v.v... xem xét mà thôi.

10. Giải Thích văn: Ba phần đồng như trước.

Nêu lỗi chánh thức chế định, có ba:

Có thể tác phạm, nghĩa là tự mình làm, dạy người làm đều phạm tội nặng. "Phương tiện" nghĩa là mượn việc khác, khiến cho người hiểu khác, nghĩa là như trên đã nói "Nay ta không nhập định thế gian".

Nhân nói dối, v.v..... trở xuống là nói pháp vọng được dùng. Tự làm là "nhân", dạy người là "duyên", phương tiện gọi là "pháp", việc

thành gọi là “nghiệp”.

Giải thích:

Khởi tâm đối gạt.

Ngoài làm khuôn phép

Khéo nói pháp vọng

Thường làm thành nghiệp.

Bốn thứ này, mỗi thứ đều riêng, phạm rồi giải thích bốn thứ này thành một phạm, nên biết.

Cho đến v.v..... trở xuống là nói đối, trong đó có ba nghiệp:

1/ Trong ngữ nghiệp chỉ sáu thức ở sáu cảnh đều thành nói đối. Nay chỉ bàn về mắt thấy, trừ những thứ khác nên nói cho đến. Về Thân nói đối như trong luật có nói:” Ai được quả La-hán là mặc y Tăng-già-lê. Có phi A la hán nên nói:” “Trước thoát”. Tuy không nói ra bằng lời nhưng thân thành nói đối. Lại như Kinh Thiện Sinh, thân làm khẩu nghiệp là đúng. Tâm nói đối là tâm đối gạt cũng như “phá kiến” nói trên.

“Mà Bồ tát” v.v..... trở xuống là Phân biệt, giải thích sơ hành. Bồ-tát đúng ra phải nói mười thứ chánh ngữ, nghĩa là như việc, như tướng nên nói là chánh ngữ, chánh kiến. Không tổn ích nên nói là chánh, và khuyến người khác cũng làm việc này.

Mà trái lại, v.v... là Trái với quy định kết phạm, nghĩa là lý phải chánh ngữ, lại khởi ngữ nghiệp tà kiến có hại rất nhiều, nên kết tội nặng. Lại dạy người khác nói đối. Người khác nói phải nên nói tà kiến. Thường làm hạnh điên đảo nên nói tà nghiệp. Bốn giới trên đây, Đại thừa, Tiểu thừa đồng phạm, gọi là cộng giới. Từ đây trở xuống sáu giới Tiểu thừa chẳng phải nặng, cho nên gọi là giới Bất cộng.

III. GIỚI BÁN RƯỢU:

Giải thích giới này thành mười môn đồng như trước:

1. Chế ý:

Sơ lược phân biệt mười loại:

1. Thành nghiệp ác khác, nghĩa là say xỉn không việc ác nào không làm, cho đến làm năm tội nghịch. Luận Đại Trí Độ quyển 13 chép:”Rượu có 36 lỗi:

Làm những việc bất thiện.

Mất hạnh lành khác, nghĩa là do uống rượu say buông lung nên không sinh được việc lành, Việc lành đã sinh đều mất. Luận Trí Độ chép:” Bè đảng với kẻ ác, xa lánh bậc hiền thiện. Không hổ thẹn, không

giữ gìn các căn, buông lung sắc dục, bỏ phước pháp lành.

Tổn hại người, nghĩa là khiến người hiện tại tổn hại y báo, chánh báo. Luận Trí Độ chép:” Hiện đời tài vật hao mòn. Vì sao? Người uống rượu say tâm không tiết chế giới hạn, phí dụng vô độ, mở ngõ cho mọi bệnh tật, gốc của sự đấu tranh. Lỗ lỗ không biết xấu hổ, tiếng xấu đồn xa, không ai kính trọng. Những việc bí mật đều tiết lộ với người, thể lực ngày càng sút kém.

Mất lễ nghi, Luận Trí Độ chép: Không kính Phật pháp tăng, không kính cha mẹ và các bậc tôn trưởng. Vì khi say xỉn mê muội, không phân biệt được gì.

Phá hủy tịnh giới, nghĩa là khi say rượu thì không giữ được giới phẩm. Luận Trí Độ chép:” Làm người phá giới”.

Mất định tuệ, nghĩa là khi say rượu, tâm loạn mất đi trí tuệ sang suốt. Luận Trí Độ chép: Che lấp trí tuệ.

Mở cửa tội lỗi, nghĩa là do khi say xỉn mê muội dẫn đến tất cả các nghiệp phiền não. Luận Trí Độ chép:

Không nên sân mà sân.

Gieo nhân duyên về sự cuồng si, nghĩa là rượu si khiến sinh ra nhiều cuồng ngu. Luận Trí Độ chép:”Gieo nhân duyên cuồng si.”

Chướng ngại Thánh đạo, nghĩa là không thể tu tập các đạo hạnh. Luận Trí Độ chép: Xa lìa Niết-bàn.

Đọa đường ác, Luận Trí Độ chép:”Khi chết điều lành đọa vào địa ngục. Nếu được làm người thì thường điên cuồng lẫn thẩn. Vì những điều tác hại như thế nên không bán rượu, cũng không uống rượu. Bài kệ nói:

*Rượu mất tướng hay biết
Thân sắc nhỏ mà xấu
Trí tâm động mà loạn
Hổ thẹn đã bị cướp
Thất niệm thêm sân hận
Mất vui hủy tôn tộc
Như vậy tuy gọi uống
Thật là uống chất độc
Không đáng giận mà giận
Không đáng cười mà cười
Không đáng khóc mà khóc
Không đáng đánh mà đánh*

Không đáng nói mà nói

Chẳng khác chi người cuồng
Đoạt các công đức lành
Người biết thẹn không uống.

2. Giải thích tên gọi: Làm cho người say sưa mê muội gọi là rượu, mua bán với người gọi là Cô, dứt ác gọi là giới. Cũng từ chỗ sửa trị đặt tên. chất Trí Độ chép:” Rượu làm cho người động tâm buông lung, vì thế nên không uống rượu.

Giải thích: Luận Đại Trí Độ y theo năm giới nên chỉ ngừa uống.

3. Thứ lớp: Bốn giới trước đồng với bốn giới trọng của Thanh văn. Giới này thì khác nên xếp vào hàng thứ năm. Còn trong năm giới, đây là giới thứ năm, không được uống rượu. Vì uống rượu chỉ tổn hại bản thân mình, tội chưa sâu, nên thuộc về hạ khinh cấu. Bán rượu gây hại cho nhiều người, nên chế tội nặng. Còn Bồ tát trong hai lợi thì lợi tha là nhất. Nhưng trái với lợi ích của chúng sinh

Đã phi lý rồi, huống chi còn làm cho tổn hại, thì chẳng phải là điều thích hợp. Cho nên chưa bàn đến việc tự uống mà trước chế trao cho người.

4. Dủ duyên thành phạm.

Duyên riêng có sáu:

Rượu.

Nghĩ là rượu.

Bán rượu.

Tự uống rượu

Trao rượu cho người

Vừa nhận vào tay liền phạm.

5. Thiếu duyên, đều phạm tội nặng phương tiện, bị người ép buộc thì không thành tội bán rượu.

Nặng nhẹ. Lược từ năm vị để nói rõ nặng nhẹ.

Y cứ về sự

Y cứ về cảnh

Y cứ về tổn

Y cứ về tâm

Y cứ về hợp biện.

Y cứ về sự có bốn:

Rượu có đậm đặc

Rượu có nhiều ít

Ba thời có ngon dở

Có kỳ hạn không.

Đều có nặng nhẹ, y cứ theo nên biết.

Y cứ về cảnh có bảy thứ:

Bán rượu cho súc sinh

Súc sinh

Người không có giới

Người năm giới, tám giới

Người xuất gia chưa thọ giới cụ túc

Người đã thọ giới cụ túc.

Người thọ giới Bồ-tát đầy đủ.

Đều trước nhẹ sau nặng. Trong đây có đủ bốn vị trước nhẹ sau nặng, nên biết.

Y cứ về tổn thì có hai:

Trước hết trái với Bồ-tát có bốn loại:

Khiến người uống rượu trở ngại tu nhân nghĩa.

Phế bỏ tu việc lành ở đời

Mất việc lành của Nhị thừa

Trái với tu đạo Bồ-tát.

Đều trước nhẹ sau nặng nên biết.

Kế đến nói khởi ác cũng có bốn thứ:

Làm cho người uống rượu sinh phiền não.

Gây ra mười nghiệp ác

Phạm bốn tội nặng

Gây ra năm tội nghịch.

Đều trước nặng sau nhẹ nên biết. Kế là nói khởi ác cũng có bốn thứ:

Khiến người uống rượu sinh các phiền não

Gây ra mười nghiệp ác.

Phạm bốn tội nặng.

Năm tội nghịch.

Đều trước nặng sau nhẹ nên biết.

Y cứ vào tâm có ba thứ:

Y cứ vào ba tánh tâm.

Y cứ vào ba thời tâm

Y cứ vào ba độ tâm.

* Thiện tâm phạm, nghĩa là hòa tránh còn thương xót người đó mệt nhọc, thiếu thốn và lạnh khổ thọ về rượu nên phạm tội nhẹ.

* Tâm vô ký phạm, nghĩa là tâm yếu cảnh mạnh.

* Ác tâm phạm, nghĩa là có ý tổn hại là tội nặng.

2. Đứng về ba thời, nghĩa là ba tâm tánh trước ở trong ba thời: đầu, giữa và cuối. Đều có nặng nhẹ nên biết.

3. Đứng về ba độc có: ba đơn, ba song, một hợp, nghĩa là tham nhẹ, sân vừa, si nặng.

Tham có hai: 1/ Nếu tham không tự cứu giúp, sợ mạng sống không tồn tại, tạm làm, thì phạm tội nhẹ. 2. Tư duyên không thiếu, tham lợi không chán, nên phạm nặng.

Sân cũng có hai:

Vì hiềm hận trao cho khiến tối tăm si mê, gọi là thuận bản tâm.

Khởi Thượng phẩm sân tạo ác, trở ngại việc lành của bản tâm, nên trước nhẹ sau nặng.

Si cũng có hai:

Tự cho là chẳng phải niệm lập lại. Đây là do gạo và nước làm ra, nhưng làm cho người uống say, lẽ phải vô tội, cho nên phải chế.

Thấy có thắng đức, nghĩa là sắc, lực làm lợi ích chúng sinh, dù có ăn uống cũng không có lỗi. Chấp ác kiến này, tự làm hay dạy người, lẽ ra tội rất nặng. Ba song là tham sân (khinh), tham si (trung), sân si (trọng), một hợp là nặng nhất, trên đây có ba khinh trọng (626) nên biết. Ở đây có Cộng giới và Bất cộng giới, y theo đó mà biết.

6. Phạm tội mắc quả báo, như trong kinh có ba nghĩa:

Như địa ngục Tữu hà, là tội của người nấu rượu.

Địa ngục Tữu Trì là tội của người bán rượu.

Địa ngục Quán khẩu là địa ngục của người uống rượu.

Còn Kinh Thập Luân quyển bốn so sánh tội này bằng một bài tụng:

Mười tội là ép dầu

Đồng tội mở một dâm phòng

Tạo lập mười dâm phòng

Đồng tội mở một quán rượu.

7. Đối trị hành giả.

Bồ-tát nghĩ rằng: Ta phải dùng trí tuệ sáng suốt trao cho chúng sinh, há lại uống rượu điên cuồng với họ, khiến cho tội càng thêm lớn, không thể được. Sơ lược mười việc nên làm cho chúng sinh:

Ta nên trao cho họ thế trí, giúp họ biết được tôn ty, lễ nghĩa, hoặc tu các hạnh hiếu nghĩa.

Nên giúp họ tin sâu Tam bảo, tu các hạnh kính dưỡng, v.v.....

Nên khiến biết rõ nghiệp quả thiện ác, tránh tội tu phước.

Nên giúp họ biết nghiệp lành xuất thế, tu hạnh xuất ly.

Nên dạy cho biết tất cả hạnh quả của Nhị thừa
 Nên dạy cho họ biết tướng thù thắng của hạnh quả Đại thừa.
 Phải khiến cho họ biết địa vị, phạm vi của Bồ-tát, như Thập phát
 thú, v.v....

Dạy họ biết hạnh phải làm của Bồ-tát, nghĩa là nên làm hay không
 nên làm.

Phải biết quả Phật có thần lực giải thoát Bất tư nghị xứ, khiến họ
 biết sinh tâm ưa muốn.

Khiến họ biết pháp môn Pháp giới chân tục bình đẳng, vô ngại.

9. Thông cuộc:

‘Thông’, nghĩa là khi cứu mạng nạn cho chúng sinh, thì rượu là
 thuốc nên khai, như sát, đao, v.v.. mà Mạt-lợi Phu Nhân đã làm.

“Cuộc” dù cho khởi niệm chừng bằng đầu một sợi lông đều có
 nghĩa phạm, nên đều đồng như vậy.

10. Giải Thích văn: Có ba phần như trước:

Nêu lỗi

Chánh chế

Giải thích ý.

Nêu lỗi, có hai:

Trước nêu vị phạm, nghĩa là tự làm, dạy người làm đều thành
 phạm.

Phân biệt pháp phạm cũng có bốn trọng và bốn giải thích như
 sau:

Y cứ vào vị: Nghĩa là tự làm là Nhân, dạy người khác là “duyên”,
 khéo nói là ‘pháp”, đồng làm là “nghiệp”.

Y cứ vào năng: nghĩa là đặt men rượu, gạo là “nhân”, chứa các
 đồ đựng rượu là “Duyên”, hòa hợp là “Pháp”, thường mua bán là “Ng-
 hiệp”

Y cứ vào chỗ làm: nghĩa là bán các nhân duyên nói trên cho người
 là “Nhân”, tự mình đến bán cho người là “Duyên”, chỉ bày cho người
 cách thức là “Pháp”, đưa và nhận thành “Nghiệp”

Y cứ vào cụ: nghĩa là quy lợi và rượu là “nhân”, tha cầu là “duyên”,
 trị giá và hàm lượng là “pháp”, đưa và nhận thành “Nghiệp”.

Câu “Tất cả rượu, v.v.. trở xuống là” chánh chế. Theo Luận Trí Độ
 quyển 13, rượu có ba thứ: Cốc tửu, quả tửu và dược thảo tửu. Hoặc khô,
 hoặc ướt, hoặc trong, hoặc đục, đều không được uống, dù cho chừng đầu
 sợi lông, nên nói tất cả các thứ rượu đều không được bán.

Câu: Rượu, v.v..... là giải thích ý, rượu là gốc của các thứ tội lỗi,

có thể gây ra tội ác nặng nề, có thể phạm giới cấm, đều do rượu gây ra, nên nói sinh các tội duyên. Như Luận Đại Trí Độ quyển 13 chép: Câu “mà Bồ-tát v.v.. trở xuống là nên sinh minh đạt tuệ giả của chúng sinh, nghĩa là các Bồ-tát pháp nhĩ đều phải khiến các chúng sinh biết rõ nhân quả khác nhau của Tục đế, nghĩa là thông đạt chân đế bình đẳng, nhất vị thắng tuệ, thành hạnh dứt hoặc đắc quả. Đâu cho phép trở lại trao thuốc mê làm cho họ thêm điên đảo. Rất trái với lý nên tội nặng, Văn rất dễ hiểu.

IV. GIỚI NÓI LỖI CHÚNG TĂNG.

1. *Chế ý:* Lược có ba:

- Làm hoại tín tâm. Bồ tát lẽ ra phải ủng hộ Tam bảo rộng khắp, che ác bày thiện. Đâu cho phép nói lỗi chúng tăng, làm cho chúng sinh nhàm chán, mất hết tín tâm. Trái hạnh lợi tha, nên Phật chế ra giới này.

- Vời lấy lỗi nặng: Bồ-tát mới phát tâm đâu tránh được lỗi nhỏ nhiệm. Lẽ ra phải khen ngợi thật đức của họ để thành chánh hạnh của mình, nhưng trở lại dùng tâm ác cấu thả để lộ trần lỗi của họ, tự mình gánh thêm tội nặng.

- Trái với ân đức, nghĩa là do ân Tam Bảo và giới pháp phòng thân. Thêm thành thắng đức đại quả. Lẽ ra phải tan xương nát thịt để giữ gìn, mà nay lại dùng lời ác rao nói tội lỗi của người đó, là rất trái với ân đức, nên phải chế ngăn.

2. *Giải thích tên gọi:* Nói tội lỗi của Tăng ni Bồ-tát tại gia, xuất gia. Nhưng vị cư chưa đủ, nên không ai tránh khỏi tội lỗi. Chẳng phải xưng lên nên nói là “Nói”. Ngăn nghiệp quấy nên gọi là giới. Đây là lời nói, theo đó mà đặt tên. Giới là y cứ theo chỗ ngăn ngừa nên được gọi, đều y theo Luận chủ mà giải thích. Lại nói Tam bảo xấu tốt, như kinh v.v...

3. *Thứ lớp:* Trong mười giới này, mười giới đầu đồng với bốn giới trọng của Du-già Bồ-tát. Ở giữa lại nói thêm lỗi bán rượu. Bán rượu thô nên giải thích trước, còn thuyết là lời nói nhỏ nhiệm nên bàn đến sau.

4. *Dủ duyên thành phạm:* Có bảy duyên.

Chánh cảnh, như bốn vị của vắn.

Hỏi: Trong đây vì sao cấm Tiểu thừa nói lỗi của Tăng Ni?

Đáp: Vì Phật và pháp không có lỗi. Nếu không có lỗi mà nói là hủy báng, nên thuộc mười giới. Người tu hành vị thấp có lỗi, dễ bị chê bai nên chế ngăn.

Khởi tưởng kia
 Khởi ý nói lỗi
 Đối với người ngoài
 Nghĩ là người ngoài
 Nói mà rõ ràng.
 Người trước mặt hiểu rõ thì thành phạm tội.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên một, có năm:

1. Từ bốn cảnh tướng khác nhau đều tội nặng:

Chẳng phải cảnh khác nhau nói rồi rốt ráo không biết là phi cảnh.

Đứng về tâm phạm tội nặng phương tiện.

Sau biết phi cảnh không vui, nên phạm phương tiện vừa. Vui tự không phạm nên tội nhẹ.

Mang nghi không biết phạm tội nặng phương tiện

Sau biết phạm tội nhẹ phương tiện.

Thiếu duyên thứ hai, cũng có tưởng và nghi

1. Trong đó vốn mê sau không biết, sau biết sinh sợ sệt, đều không phạm, hoặc phạm tội nhẹ phương tiện.

2. Chuyển tưởng vì nói lỗi chúng tăng từ tâm vui của mình. Chẳng phải không lỗi.

Sau mới biết mắc tội nặng phương tiện, biết rồi liền phạm tội nặng. Tuy tâm ít nhưng phạm tội nặng.

Thiếu duyên thứ ba, nghĩa là không nói lỗi lầm thì không phạm. Hoặc đang nói pháp kế đến nói luận, hoặc giáo giới người học đều không phạm.

Thiếu duyên thứ tư: Từ chúng đến sai, rốt ráo không biết y cứ vào tâm lẽ ra mắc tội trọng. Sau biết vui hay không vui y cứ theo đây phạm hai tội nặng phương tiện. Nghi cũng đồng như trước, nên biết.

Thiếu duyên thứ năm. Tưởng và nghi y cứ theo trước nên biết.

Thiếu duyên thứ sáu. Nói nhanh không rõ ràng, mắc tội nặng phương tiện.

Thiếu duyên thứ bảy: Người nghe không hiểu rõ ràng cũng phạm tội nặng phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ: Lược có sáu vị:

- Y cứ vào cảnh đã nói

- Y cứ vào người đối diện

- Y cứ vào ngôn từ

- Y cứ vào tâm niệm

- Hợp giải thích.
- Y cứ vào tự tha.

Trong đó có sáu:

1. Thấy Bồ-tát Địa thượng vì chúng sinh mà tu nghịch hạnh. Nghĩa là chẳng nói mà nói.

2. Nói lời nhỏ của Bồ-tát Tam hiền.

3. Nói lời Hòa-thượng, A-xà-lê.

4. Nói lời trụ trì truyền pháp

5. Nói lời người đồng tu tịnh giới

6. Nói lời người phá giới và người không giới.

Sáu thứ này đều là một là nặng, hai là nhẹ, nên biết.

Về người đối diện, có năm:

a. Đối với quốc vương, đại thần nói lời quấy của các vị ấy, khiến cho họ không còn kính tin, phá hoại Tam bảo.

b. Đối với Ngoại đạo, tìm kiếm lỗi ác của họ để nói, khiến cho người đối diện càng thêm tà kiến, hủy báng Phật pháp.

c. Nói lời cho người tại gia nghe, làm phá hoại tín tâm của họ.

Ba vị trên ban đầu thượng, kế đến trung, cuối cùng là hạ.

d. Tuy từ chúng mà thích ý nói phạm tội phương tiện.

e. Trong chúng nêu tội và nói với thầy của họ dạy dỗ, khiến họ không phạm các lỗi này nữa.

3. Về ngôn tư, có hai:

Dùng lời ác thô bỉ để nói.

Dùng lời phù phiếm mà nói, nặng nhẹ nên biết.

Nếu viết thư cho mọi người cũng đồng phạm.

Về tâm có ba:

* Về đơn.

Vì tâm si, nói là đức không sợ phá giới.

Tâm sân thù oán nói đã rõ tình.

Vì tham lợi dưỡng, nên nói lời người khác khiến danh lợi về mình.

Đứng về ba đơn, ba song, một hợp. Đều y cứ theo trước. Trên đây nặng nhẹ nên biết.

* Về vô ký, tâm khinh thường, vọng niệm mà nói cũng phạm chẳng phải ô nhiễm. Tâm lành vì điều phục nên phải đủ năm đức, v.v.. nếu xem xét mà lấy thì không phạm.

7. Về **hợp biện**. Là khởi thượng sơ tâm, dùng thượng sơ ngôn đối thượng sơ nhân, nói thượng sơ cảnh là nặng nhất. Ngoài ra tương hợp và

phi hợp đều có nặng nhẹ nên biết.

Về tự tha. Mình tự nói lỗi còn nhẹ, dạy người, khuyên người truyền nói khắp nơi càng nặng hơn. Ngoài ra hợp nhau phi hợp nhau đều có nặng nhẹ nên biết.

Phạm tội báo, nói lỗi của Bồ-tát và Tăng ni, phạm tội rất nặng. Như kinh nói: Vào địa ngục Bạt thiết, kéo lưỡi ra cho trâu cày trên đó, v.v.....

Kinh nói Bồ-tát Bất Tư Nghị Quang, Bồ-tát Nhiêu Tài nói lỗi Bồ-tát Hiền Thiện, trong 91 kiếp thường rơi vào bụng của dâm nữ, đời đời bỏ đi, bị cáo sói ăn thịt. Nói lỗi bị khổ não như thế, đủ làm gương sáng cho đời.

8. Tu trị hành giả. Bồ tát thường phải khen ngợi các chúng sinh có công đức, hướng chi Bồ-tát và trong tăng ni. Cho nên thường phải khen ngợi vui mừng công đức Tam bảo. Nếu thấy chúng sinh ít làm việc lành thì phải khen ngợi. Kinh Chư Pháp Vô Hành chép: "Nếu thấy người nói giới, thì không được nói lỗi xấu của người đó, phải nghĩ rằng người đó không bao lâu sẽ được đắc đạo. Kinh Niết-bàn chép: "Nếu thấy chúng sinh đó hoàn toàn không thiện, thì phải khen ngợi. Nên nghĩ đến điều lành của Phật tánh mà khen ngợi người đó. Đừng nói lỗi của người mà làm ô nhiễm tâm mình.

9. Thông cuộc:

Nếu với từ tâm nêu tội quả trách, vì điều phục việc ác của người, hoặc nương vào năng lực của vua, v.v.... điều phục mà nói thì không phạm. Trái lại, nếu khởi niệm hiềm tâm mà nói, đều thành phạm.

10. Giải Thích văn: Ba phần đồng như trước.

Ban đầu nêu lỗi trong chánh chế có hai: Trước hai vị Tự Tha, nói bốn vị trì giới, nghĩa là ban đầu trì giới Bồ-tát, sau trì giới Thanh văn, đều là nội chúng trong Phật pháp làm ruộng phước cho trời người nên không cho nói lỗi. Kinh chép;

Hoa Chiêm-bạc dù héo

Vẫn hơn các hoa khác

Các Tỳ-kheo phá giới

Vẫn hơn các ngoại đạo.

Trong kinh lại nói: Có phạm gọi là Bồ-tát, Không phạm gọi là ngoại đạo). Cho nên thấy người đó phạm không được khinh, tuy con bò đã chết, nhưng chất lưu hàng trong thân nó vẫn lợi ích cho đời. Tỳ-kheo phá giới vẫn có mười công đức sinh lên cõi trời. Như Kinh Đại Bi chép: "Những người xuất gia, tuy tay trái bông con trái, tay phải bông

con gái, từ quán rượu này đến quán rượu khác, nhưng chưa ra khỏi kiếp Hiền đã nhập Niết-bàn.” Cho nên thấy có chút tánh Phật pháp đã được, đều phải khen ngợi. Hai tội dùng để nói pháp, bốn môn giải thích đồng như trước.

Về năng thuyết.

Ba độc nhiễm tâm là nói “Nhân” có lỗi.

Tội là vì sở cầu v.v.... là nói “Duyên” có lỗi.

Phương tiện lập ra khiến người khác biết nói lỗi là “Pháp”.

Thường nói lỗi là “Nghiệp”.

Về sở thuyết.

Không chính thức nói lỗi khác, chỉ nói ngay người đó khiến cho họ biết đó là Nhân có lỗi.

Cũng không chính thức nói lỗi, mà nói ngay nơi việc đã gây tạo của người đó, khiến cho kẻ thù trước mặt biết được tình trạng lỗi, đó là Duyên tội lỗi.

Nói sự trái phạm tịnh giới của người đó, chứ không nói lỗi nhưng người đó vẫn biết.

Nói chỗ thành tội của người, đó là Nghiệp tội lỗi.

- Hợp giải thích:

Trong có tâm nói là “Nhân”.

Ngoài gặp cảnh ác là “Duyên”

Từng thấy lỗi là “Pháp”

Trình bày thành “ Nghiệp”.

Trong phần giải thích những việc nên làm, trước phân biệt với phi, nghĩa là người ác ngoại đạo nói thông suốt Phật pháp, người trong đạo không trụ chánh pháp, không tu hành luật nghi. Người Nhị thừa không tin Đại thừa, cũng nói người hành Đại thừa phi pháp luật. Còn ở đây là nói về Bồ-tát, trước chết là tăng-ni, như có Tỳ-kheo oai nghi, v.v....

Giáo chính, nghĩa là Bồ-tát nghe đây liền phát bi tâm, không được khởi các tâm tức giận chê trách. Nhưng phải phương tiện giáo hóa khiến chỉ nói lỗi mà sinh niềm tin thanh tịnh. Đây là tạo nghiệp mà nói thường sinh”.

Trong trái với lý nên kết thành phạm, nghe người khác nói lỗi không chịu dạy khuyên, đã vô lý rồi, huống gì còn tự mình giúp các nói lỗi Phật pháp. Rất là tai hại, cho nên kết thành tội nặng.

V. GIỚI KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI .

1. **Chế ý:** Sơ lược có bốn ý:

Trái với chánh hạnh. Bồ tát lẽ ra phải chứa nhóm mật hạnh bên trong, tán dương tài đức của người. Đâu cho phép trở lại khen mình chê người, rất mất hạnh, nên Phật chế giới này là hủy tha. Vì ngăn ngừa lỗi này nên Phật mới chế giới.

2. Giải thích tên gọi: Nghĩa là không tài đức mà tự phô dương là khen, làm nhục người là hủy. Lại phô trương đức hạnh mình là khen mình, chê bai tài đức của người gọi là hủy tha. Ngăn ngừa lỗi này gọi là Giới.

3. Thứ lớp: Giới trước nói lỗi, tội còn nhẹ. Nay thêm hủy báng là tội càng nặng hơn, cho nên nói sau, giới này cũng nằm trong bốn giới Ba-la-di của Bồ-tát. Vì đặt ở đầu nên phải phân tích trước.

4. Đủ duyên thành phạm: Có đủ sáu duyên:

Chánh cảnh tự tha.

Nghĩ là kia

Ý khen chê

Đủ duyên thành phạm

Chánh thức khen chê

Người đối diện nghe khen chê thì phạm

5. Thiếu duyên:

- **Thiếu duyên một, có năm:**

1. Tự khen ngợi cũng tội nặng, như Kinh Thiện Giới nói:” nếu Bồ-tát vì tham lợi dưỡng nên tự khen ngợi, thân phạm giới Bồ tát trụ địa.

2. Như thế gọi là Bồ-tát phạm trọng pháp thứ năm. Như vậy văn này nói người bị hủy báng thì phạm tội Nặng.

3. Hủy báng người dù Trương Nhân Vương và cõi khác đến thay thế cũng phạm tội nặng, vì đều là chánh cảnh.

4. Phi tình đến thay thế không biết nên phạm tội nặng. Về sau biết phạm tội vừa phương tiện.

5. Tự khen giới đức mà lầm khen các định cũng phạm tội nặng, vì đều là chánh cảnh.

- **Thiếu duyên thứ hai có hai:**

Nghĩa là cõi khác và nghi, nên hủy báng đều phạm tội nặng.

Nghĩ là phi tình phạm phương tiện nhẹ, nghi phạm phương tiện vừa.

Còn vốn mê chuyển tưởng thì nên biết, đối với giới mà nghĩ là định đều phạm tội nặng.

- **Thiếu duyên thứ ba có hai:**

1. Tuy không phỉ báng người nhưng không giữ lỗi người khác kh-

iến họ sinh phiền não, phạm tội nặng phương tiện.

2. Nêu tội quả trách vì lòng từ bi không có ý hủy báng, nên không phạm. Hoặc quả trách môn đồ cũng là sinh tín tâm cho người nên tự khen mình, hoặc người khác sinh chê bai, thì phạm tội phương tiện. Nếu sinh tín tâm thì không phạm.

- **Thiếu duyên thứ bốn** có ba:

Danh riêng, lợi riêng bằng sự tôn kính của môn đồ đáng lẽ cũng phạm tội nặng.

Vì tâm kiêu mạn không làm nên mắc tội nặng phương tiện.

Vì lợi ích chúng sinh nên không phạm. Nhưng vẫn phải suy lường khéo léo. Không được nói tội chỉ vì lợi ích chúng sinh mà cứu họ, nên vô tội. Đó là tự nói không phạm. Nhưng danh lợi nhỏ nhiệm khó biết, chính mình là giặc phá hoại ở chỗ này. Xin phải tự dè dặt để còn lại đức bên trong.

- **Thiếu duyên thứ năm.**

Nói không rõ phạm tội nặng phương tiện.

- **Thiếu duyên thứ sáu,** có hai:

1. Người trước mặt chí lớn mạnh, chống lại không chấp nhận sự chê bai đó.

2. Dù tự khen đức mình nhưng người khác không tin, vẫn phạm tội nặng phương tiện.

6. Năng nhẹ:

Trong đó có sáu:

- Y cứ theo cảnh
- Y cứ theo lời nói.
- Y cứ theo sự đối diện
- Y cứ theo sự tổn giảm
- Y cứ theo tâm
- Y cứ theo hạnh.

Câu đầu có hai: Trước nói về cảnh hủy phạm, gồm có bốn.

Người có 1, 2, 3 người hay nhiều người, đại chúng, riêng có bảy:

Bậc Thánh

Bậc Hiền

Thầy mình

Người trụ trì truyền pháp

Những người có đức

Người vô đức

Phi nhân, súc sinh.

Tự khen cảnh có ba:

a. Thật sự mình không có đức, tự phá giới, không hổ thẹn.

b. Tuy không phá giới nhưng không có đạo hạnh

Có giới có hạnh.

Ba thứ này đều theo thứ lớp trước nặng sau nhẹ.

Về lời nói cũng có hai:

Chê bai người có năm:

Chê bai nói dối người có đức

Có đức nói không

Nhiều đức nói ít

Không tội nói có tội

Tội ít nói nhiều, khéo khiến cho người khác tin.

Hai cảnh Chung và riêng nói trên đều nằm trong ý này. Kế là cùng với chẳng phải thứ lớp nặng nhẹ, nên có thể biết trong Tự khen mình có ba:

Tự nói chứng quả thánh

Nói đủ ba việc học

Nói cụ giới bằng vớt nhất học.

Nên biết khinh trọng, trải qua ba việc này ở ba cảnh trước, nếu nói đắc quả thánh. Thì cả ba đều là tên cướp nguy hiểm, xuất xứ từ trong Kinh Phật Tạng. Nếu nói đủ ba việc học và hai vị là giặc. Vị thứ ba thì phi hư. Về hai thứ sau chẳng phải luống dối. Nhưng trước hết người phá giới mà tự nói mình giữ giới thanh tịnh. Ở đây xét hai thứ trước còn chẳng phải là chỗ cực trọng. Nhưng trong Thánh giáo gọi là đại tặc. Hống gè hai vị trước rất là đáng sợ. Luật Thiện Kiến có năm thứ đại tặc:

Phạm bảy nhóm tự nói thanh tịnh v.v... cho đến năm. Theo người khác nghe pháp mà nói tự hiểu, đây là tự khen mình chê người, đều có đờn nhẹ, hai nặng. Trong hai đó có đều nặng mà không có đều nhẹ. Kế đó chẳng phải thứ lớp nặng nhẹ nên biết.

Về chỗ đối đãi trong loài người:

Đối với một người

Đối với nhiều người

Đối với đại chúng.

Ba chỗ này có hiện tiền hay không hiện tiền hủy báng đều có tội nặng hay nhẹ.

Về tổn giảm có bốn:

Do hủy báng người truyền pháp khiến một phương không thực

hành Phật pháp, tội này rất nặng. Việc này có nói đầy đủ trong Kinh Thập Luân.

Do hủy báng một chúng, khiến người khác bị phá hoại niềm tin mà thêm dị kiến.

Chê bai một vị có đức hạnh chẳng phải là người truyền pháp, khiến cho người sinh khổ não, đều trước nặng sau nhẹ, nên biết.

Tự khen khiến người khác học lối ngạo mạn, cũng có nhiều ít, vì tổn có nặng nhẹ, có nêu theo gốc lành kết thành tội nặng, nên biết.

Về tâm có bốn:

Nếu vì muốn người phát lòng tin nên khen mình chê người thì không phạm.

Nếu do bụng lung không có tâm ghi nhớ thì phạm vào ô nhiễm.

Nếu vì người khác có thương giận thì phạm, là ô nhiễm chẳng phải tội nặng.

Tham nổi tiếng, lợi dưỡng, cung kính, là nặng chẳng phải nhẹ. Trong bốn thứ này có ba phẩm:

Nếu do phiền não hiện hành, chẳng phải dữ dội, hoặc sinh hổ thẹn, đó là yếu phẩm.

Tuy cảm mạnh mẽ nhưng không hổ thẹn, chưa thấy là đức. Còn có Trung phẩm.

Không hề hổ thẹn, sinh ra nhiều ái, lạc là công đức, gọi là Thượng phẩm tối trọng. Còn ở đây tâm sân si phạm là nặng nhất. Tâm khác thì nhẹ nên không phạm.. Nghĩa nên y cứ theo đây mà biết.

Về hành giả. Người trong Phật pháp phần nhiều y cứ vào bốn vị khởi hạnh, nghĩa là Ba học và Tọa hạnh.

Về kiểu dị có hai loại:

Kiểu dị: nghĩa là tuy không phá giới nhưng không ngay thẳng. Theo chấp tà tư duy, hiện oai nghi lạ lùng, mâu nhiệm huyền diệu của thế gian để cầu danh lợi. Vốn không có tâm thanh tịnh để cầu xuất ly. Nhưng khắp kính người khác chẳng khác, đây là giặc Sa-môn, cũng là giặc oai nghi, như Kinh Ca Diếp và Kinh Bảo Tích nói.

Về hiểu biết cạn cợt, nghĩa là tánh chẳng phải trí sâu, ý vào giới hạnh mình cho là xuất ly. Lăng nhục người khác, nương theo giới lăng nhục chúng. Nghe các pháp không liền sinh sợ hãi. Đây là giặc thù trong Phật pháp, xuất xứ từ trong Kinh Phật Tạng

2. Về Định học có hai loại:

Đứng về tham cuồng, nghĩa là tánh ưa danh lợi sống lâu trong núi. Tâm có một chút bóng lạng, hiện được tướng định, mâu nhiệm của

người đối với lấy nhiều danh tiếng. Khắp mọi người không có tướng này, đều cho là phi, đây là giặc A-lan-nhã, rút từ Kinh Hoa Thủ. Kinh này còn nói:” Nạp y ở chỗ vắng lặng, tự xưng là A-lan-nhã.

Về tà mạn, nghĩa là tánh chẳng phải học rộng, vào núi học định, quỷ thần khiến tâm thêm niệm định. Có người thấy họ không khéo giác biết, tức dựa vào đây mà khởi kiêu mạn, sẽ vờ lấy nhiều danh tiếng. Lãng nhục Phật pháp, tất cả đều làm thương hại Phật pháp, đây là đại tặc, là bè đảng của ma. Luận Khởi Tín và Kinh Hoa Thủ đã nói.

Về Tuệ học cũng có hai loại:

*Theo nghĩa cạn, nghĩa là tánh kém thông minh, đọc học không thứ lớp, đó là danh lợi hành tâm, gấp dự giảng nói. Kiến chấp của mình ước đoán chẳng chê bai xưa nay, chỉ cầu danh lợi, vốn không ra ngoài ý. Tự y lại mình không thực hành, cũng xem thường giới định. Đây là giặc mua bán Phật pháp, sẽ vờ lấy nhiều khổ não, xuất xứ từ trong phẩm Ma Nghiệp của Kinh Hoa Nghiêm

* Về chiều sâu, nghĩa là tánh Sát na-môn phân biệt. Tuy ở Nhị thừa ba tạng ít thông, nên chưa hiểu được ý Phật. Đã phải truyền pháp chỉ khen ngợi tên gọi.

lợi để khuyến hậu học, chẳng phải chê bai nguyện mình xưa nay chỉ có một. Ý lại đức là khởi kiêu mạn, lãng nhục người chỉ trì tụng thuộc pháp mà không diệt bệnh, lại gánh vác tội như, hướng gì trong pháp khởi bệnh, thật không thể nào cứu chữa được. Lạ thay! Trong nước sinh ra lửa, làm sao diệt được. Đây là giặc hại Phật pháp, xuất xứ từ Kinh Phật Tạng và Kinh Thập Luân.

Về Tạp Hạnh cũng có hai loại:

Về phước hạnh, nghĩa là tánh chẳng ngay thẳng, nếu chấp thế gian và tôn sùng phước của người đó, thế nhân mâu nhiệm, vờ lấy nhiều sự cúng dường, mục đích là dùng ít nhữ nhiều, lấy đây để nuôi sống. Được toại ý mong cầu, liền ở chỗ này mà khởi kiêu mạn, lãng nhục người khác không được lợi dưỡng. Nếu tất cả chẳng được lợi dưỡng như vậy, danh tiếng như vậy, đây là giặc bán Phật pháp, xuất xứ từ Kinh Ca-diếp

Về các hạnh, nghĩa là tánh chẳng phải tuệ ngộ. Hễ học được một pháp thì liền phong trước, xem trọng sở học này để vờ lấy danh lợi, phước bỏ các chỗ tu đều chẳng phải là tốt ráo. Đây cũng là người ngu, là giặc sâu bọ phá hại Phật pháp.

Trên đây đã lược nêu bốn vị, đáng lẽ phải chung cho tất cả hành đều có cuồng ngụy, đều phải y cứ theo để chọn lựa. Khuyến hậu học

đừng để tâm mình rơi vào đó. Xin các vị hãy đọc thêm Kinh Bảo Tích, Kinh Bảo Lương, Kinh Phật Tạng để nuôi dưỡng tâm Bồ-đề, mới có thể làm việc cần thiết.

7. *Mức quả báo: có ba:*

Thông Luận, Kinh Hộ Quốc Bồ-tát chép: "Bồ-tát có bốn pháp đọa lạc:

Không cung kính người
Bội ân tà vạy.
Cầu danh tiếng lợi dưỡng
Làm ra vẻ tốt, nêu đức.

Chê bai kinh Phật, có mười người hủy báng pháp sư Biện Tích, khiến cho Phật pháp có một phần bị lãng nhục. Mười người này sau khi chết đọa vào địa ngục Bạt Thiệt, trải qua vô lượng kiếp chịu khổ rút lưỡi. Về sau đọa vào loài không có mắt. Cuối cùng gặp Phật Thích-ca, xuất gia nhiều đời tu hành khổ hạnh, hoàn toàn không được gì, sau lại bị đọa lạc. Cho đến nói đầy đủ trong luật.

Về tự khen, như năm người Phiến-Đề-la, bốn người ngồi trong rừng, một người vào xóm xướng lên rằng: "Trong rừng có các vị La-hán", liền được sự cúng dường lớn. Sau đọa vào địa ngục chịu đủ khổ não. Sinh lên làm người khiêng kiệu cho thí chủ cũ và giữ các vật đồ bản, cho đến trong văn luật có nói đầy đủ.

Tu trị hành giả có ba nghĩa:

Bồ-tát thường tự hiển rõ lỗi mình khiến người khác nghe biết. Không có một niệm tâm che giấu, dè dặt rằng sẽ lớn thêm nên lo khó diệt. Đối với công đức của mình thường không nói rõ. Không khởi một niệm tâm khen mình, Lo sợ tổn giảm nên không dám thêm.

Bồ-tát đối với hữu tình, thường không thấy việc, xấu mà chỉ thấy việc lành. Cho nên nhận việc ác về mình, suy việc lành cho người, thì tâm thường thanh tịnh. Đây là việc thường thực hành.

Hỏi: Nếu tự mình không ác mà nhận, người không tốt lành mà suy, há chẳng phải tà vạy và nói dối hay sao?

Đáp: Tự mình không đủ, vọng được không mất. Nghĩa không mất đó chỉ có mình Đức Phật, vì hệ lụy đã hết. Còn người không tốt lành, nhưng còn có Phật tánh tức chân thiện. Nếu nghĩa đến đây mà suy, chẳng phải thật không tà vạy, cũng không nói dối, mới phát đủ vô lượng gốc lành, khiến cho giới thanh tịnh, nên gọi là Trì.

Bồ tát thường phải nhờ tiếng tăm mà khởi lợi dưỡng, nhiều lợi dưỡng thì không ở chỗ đó, vì làm tổn hại. Luận chép: "Thương hại như

sương móc, làm tổn mầm mộng công đức, như đầu sợi lông là tổn hại nhiều. Như pháp đã được còn phải tránh xa. Kinh chép: “Lợi dưỡng đến còn phải tránh xa ngoài ba do-tuần, huống gì dùng khen chê phi lý để được hay sao?” Cho nên Bồ-tát lẽ ra không nên làm. Kinh Bồ-tát Hộ Quốc chép:” Bồ-tát có bốn pháp phải xả bỏ:

Bồ-tát xả bỏ nhà mình ở.

Đã xuất gia rồi không còn ham lợi dưỡng

Xa lìa đàn việt

Không tiếc thân mạng

Đó là bốn pháp phải xả bỏ, y cứ theo như vậy.

Thông cục có hai: Trước thông sau cục.

“Thông” có ba:

Khen cũng có ba:

Khen pháp tu học của mình giúp người khác tu học.

Vì chúng sinh chưa tin thì sinh tin

Đã tin rồi lại thêm vững chắc.

Nếu thật sự có lợi ích này mà không xen lẫn tham mạn, thì tự khen không phạm, không khen có tội trái lợi ích.

Nói chê bai người cũng có ba:

Chê bai tà đạo khiến họ quay về với chánh kiến

Chê bai chấp kiến khiến lìa khổ

Chê bai hạnh vị xấu khiến họ lìa bỏ.

Nếu không có sân, mạn mà phải thời có lợi ích thì nên chê bai người không phạm, không chê bai có tội.

Cầu danh lợi có hai:

Lợi ích chúng sinh

Cầu thật sự ra khỏi danh lợi thế gian, cầu việc này không phạm.

Như thế nên y cứ theo đó.

Cục: Ba vị trên hoặc chung hoặc riêng, vì tâm tương ưng ràng buộc khởi niệm dục phạm. Tuy trái phạm chưa đến tội nặng như thế. Vì thế phải phòng hộ giữ gìn. Nghĩa khác nên biết.

Giải Thích văn:

Nêu lỗi chánh chế có hai, trước nêu lỗi cũng có hai:

Vi trái phạm: nghĩa là tự làm và bảo người làm, y cứ theo trước cũng có bốn, đồng sơ lược như trước.

Tướng phạm: bốn phạm đồng như trước, cũng đồng ba giải thích. Lược không tự khen, lẽ ra phải đủ bốn:

Đứng về năng, tham mạn là “Nhân”

Danh lợi là “Duyên”

Khéo lập quy mô thành ra tự phô trương để lãng nhục người là “Pháp”.

Thường làm việc như thế là “Nghệp”.

Y cứ về người, gồm có bốn:

Không chánh thức khen chê, chỉ nói nhân duyên để hiển bày đức tốt của mình. Người đó bị hủy nhục là “Nhân”

Chê bai người bị tội nặng, chê bai chủng tộc của người là “Duyên”,

Hủy báng sở y của người là “pháp”

Hủy báng nghiệp sở y của người là “Nghệp”. Tự khen mình cũng vậy.

Hợp giải thích:

Nhân bên trong

Cảnh bên ngoài

Hủy báng

Thành nghiệp.

Tự khen mình cũng giống như vậy.

Trên đây đã nêu lỗi xong.

2. Văn chính thức chế. Nên nói: “ Tất cả không nên khen mình

chê người. Lại sơ lược không đầy đủ

Câu “ mà Bồ-tát v.v...” nói chỗ nên thi hành cũng là giải thích lý do chế thượng vị, nghĩa là Phật vì pháp chế giới không khen mình chê người. Vì pháp của các Bồ-tát là phải thay thế người chịu chê bai. Nếu không chịu thay thì trái với hạnh Bồ-tát của mình, hướng chi tự mình chê bai. Trái phạm hại định thật sâu, cho nên kết lại khoa văn ý nghĩa như thế, trong đó vô lý lăng nhục người gọi là hủy báng. Khiến họ hổ thẹn, quả báo bị nhục. Còn Bồ-tát vì chúng sinh mà phát tâm Bồ-đề, khiến chúng sinh bỏ ác dứt sạch kiết sử. Cho nên việc ác của chúng sinh Bồ-tát đã có, vì cho đó là trách nhiệm của mình. Đã vì chúng sinh tu gốc lành nên gốc lành của mình và người đều tu.

Câu nếu tự khoe khoang v.v.... trở xuống là phi lý trái phạm đều nên biết.

